



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2014

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5. Định hướng phát triển	6
6. Các rủi ro	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
2. Tổ chức và nhân sự	8
3. Tình hình tài chính	9
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	10
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	10
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tình hình tài chính	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	14
4. Kế hoạch phát triển.....	14
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	17
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	17
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.....	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	18
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	19
1. Hội đồng quản trị	19
2. Ban Kiểm soát	21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ...	22
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	24
1. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán (Trang 29).....	24
2. Báo cáo tài chính 2014 đã kiểm toán (Từ trang 33).....	24

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2006
- Giấy phép thành lập và hoạt động: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
 - Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006
 - Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 230/UBCK-GP ngày 17/04/2009; và
 - Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC – UBCK ngày 11/03/2013.
- Vốn điều lệ: 350.000.000.000 đồng (ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 350.000.000.000 đồng (ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ:
 - Trước 11/3/2013: Tầng 5, 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội
 - Từ 11/3/2013: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại: (84) 3728 0921 | Số fax: (84)3728 0920
- Email: contact@tvs.com.vn | Website: http://www.tvs.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

2006	- Thành lập TVSI
2007	- Thành viên chính thức của HOSE, HNX. - Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
2008	- Tăng vốn lên 128 tỷ đồng.
2009	- Kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE, giao dịch từ xa với HNX. - Tăng vốn lên 350 tỷ đồng. - Thành viên chính thức sàn UPCOM của HNX. - Thành lập các chi nhánh tại Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng. - Thay đổi bộ nhận diện thương hiệu. - Thành lập và đưa vào sử dụng TT Dịch vụ Khách hàng (Contact Center).
2010	- Đạt giải “Tin & Dùm 2009”, “Thương hiệu chứng khoán uy tín 2010”. - Tổ chức thành công hội thảo “Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, triển vọng ngành Ngân hàng và Bất động sản 2010”. - Thành lập Chi nhánh Nha Trang, Chi nhánh Quy Nhơn. - TVSI là một trong 500 DN tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500). - Tổ chức hội thảo “Tác động của tỷ giá và lãi suất tới TTCK VN”.
2011	- Khai trương Trung tâm phân tích (Financial Portal) www.tvs.com.vn. - Thành lập Chi nhánh Mỹ Đình, Chi nhánh Vĩnh Long. - Triển khai dịch vụ “Chuyển tiền Online với Vietcombank”. Cung cấp gói dịch vụ trực tuyến trọn gói. - Đạt giải Tin&Dùm 2010 cho sản phẩm “Giao dịch trực tuyến” do Thời báo

	<p>Kinh tế Việt Nam trao tặng (lần thứ hai liên tiếp).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai bảng giá trực tuyến nhanh nhất VN theo công nghệ mới trên price.tvsi.com.vn. - Tổ chức Hội thảo về thị trường tài chính - Đưa cổng tra cứu thông tin chứng khoán finance.tvsi.com.vn ra giới thiệu với công chúng qua trang chủ VnExpress.net - Triển khai thực hiện quyền, lô lẻ online trên trang iTrade-Home - Giới thiệu giao diện mobile của trang web TVSI, ứng dụng giao dịch iTradeMobile được giới thiệu trên Apple store, Android market
2012	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai ứng dụng Mobile trading m.tvsi.com.vn. - Triển khai ứng dụng đặt lệnh trực tiếp trên trang finance.tvsi.com.vn - Giới thiệu bảng giá rút gọn price2.tvsi.com.vn - Triển khai hệ thống giao dịch tiền iPayment 2012, kết nối trực tiếp và hoàn toàn tự động với VCB. - Nâng cấp hệ thống Core giao dịch đáp ứng khả năng vận hành hiệu quả với số lượng khách hàng tăng nhanh chóng. - Triển khai áp dụng Logo TVSI với bố cục mới, màu sắc nổi bật - Triển khai tin nhắn thương hiệu - TVSI; - Triển khai và cập nhật dịch vụ ứng trước tiền trên tài khoản Margin. - Thực hiện rút ngắn chu kỳ bán chứng khoán về ngày T+3 và triển khai lệnh thị trường (MP) - Giới thiệu khách hàng sử dụng dịch vụ Contact Center tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Triển khai Thông tư 210/2012/TT-BTC, hoàn toàn tách bạch tài khoản của nhà đầu tư và CTCK, đảm bảo minh bạch, an toàn cho giao dịch của khách hàng. - Chuyển trụ sở chính về 79 Lý Thường Kiệt, Hà Nội. Chuẩn bị thành lập PGD Tây Hồ (thực hiện đầu năm 2013) - Thị phần TVSI vươn lên lọt vào top 15 các CTCK dẫn đầu và được biết tới là CTCK đầu tư bài bản và có hệ thống công nghệ hiện đại.
2013	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tại trụ 79 Lý Thường Kiệt, Hà Nội; xây dựng lại Data Center với các tiêu chuẩn về bảo mật, an toàn và dự phòng cao hơn. - Lập Phòng giao dịch Tây Hồ; - Triển khai hệ thống giao dịch nâng cấp HNX, tăng cường năng lực xử lý cùng với nhiều loại lệnh giao dịch mới - TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần cao nhất HNX quý 3/2013. - Xây dựng và hoàn thiện kết nối trực tuyến iPayment – BDV@EZLINK, tự động hoá hoàn toàn các giao dịch chuyển tiền của nhà đầu tư ra tất cả các ngân hàng bên ngoài. Khách hàng có thể nộp rút tiền online nhánh chóng giữa TK chứng và NH BIDV; - Nâng cấp phần mềm giao dịch ItradeHome cho khách hàng với nhiều tính năng ưu việt: tự động chia lệnh, ứng trên tài khoản margin; - Nâng cấp các tiện ích giao dịch online cho Khách hàng: Thực hiện quyền

	<p>online; bán chứng khoán lô lẻ online;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng hệ thống Contact center; - Đưa cổng tra cứu thông tin chứng khoán finance.tvsi.com.vn hợp tác với Báo Đầu tư chứng khoán điện tử www.tinnhanhchungkhoan.vn và Thời báo tài chính. - Quản lý tách bạch tiền gửi của KH tại TVSI với tài khoản E-BIDV; - Xây dựng tiêu chuẩn phục vụ KH VIP; - Triển khai làm phần mềm giao dịch trực tuyến mới.
2014	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai quy chế chăm sóc khách hàng VIP với nhiều ưu đãi về dịch vụ, tiêu chuẩn phục vụ đặc biệt cho Khách hàng. - Ra mắt công cụ giao dịch trực tuyến ltradeHome 2014 mới với nhiều tính năng nổi trội, tốc độ lệnh tối ưu, giao diện thông minh. - Phát hành trái phiếu riêng lẻ TVSI: Tổng số lượng phát hành thành công 188,5 tỷ đồng trái phiếu, tạo được uy tín với các nhà đầu tư trên thị trường. - TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần cao nhất HNX quý 3/2014. - Đại hội đồng cổ đông đã miễn nhiệm 01 Thành viên và bầu bổ sung 02 Thành viên Hội đồng quản trị để nâng cao năng lực hoạch định chiến lược phát triển của công ty. - Cung cấp dịch vụ margin đáp ứng đủ hạn mức của tất cả các khách hàng - Xây dựng bảng giá riêng dành cho Khách hàng cả TVSI có nhiều tiện ích về quản lý danh mục chứng khoán ưa thích. - Tham gia lập quỹ ETF VFMVN30 nội địa đầu tiên của Việt Nam với vai trò thành viên lập quỹ, cung cấp các dịch vụ mua, hoán đổi sơ cấp chứng chỉ quỹ. - Nâng cấp hệ thống phần cứng IBM storagenâng cao tốc độ xử lý cho tất cả các hoạt động dịch vụ online; vận hành hệ thống an toàn, ổn định. - Hệ thống quản lý sổ cổ đông OTC giúp tiện ích cho KH quản lý cổ đông, trả cổ tức, chuyển nhượng. - Nâng cấp hệ thống quản trị backoffice với nhiều tính năng mới phục vụ nhu cầu mới của khách hàng, - Chuẩn bị triển khai ứng dụng giao dịch cài đặt trên Mobile - Tư vấn mua lại doanh nghiệp giữa Phụng Hoàng Xanh (Phenikaa) mua cổ phần chi phối của Vicostone (VCS). - IPO lần đầu thành công cho 12 doanh nghiệp nhà nước, trong đó có 01 doanh nghiệp thuộc Tập đoàn công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam với số vốn điều lệ là 300 tỷ đồng và đặc biệt là 10 doanh nghiệp thuộc Cục đường thủy nội địa Việt nam. - Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho CTCP CMISTONE Việt Nam: giá trị phát hành tính theo mệnh giá 60 tỷ đồng - Bán vốn nhà nước thành công cho 04 doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp và phát triển nông thôn

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

TVSI đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép cho tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán, Tự doanh, Bảo lãnh phát hành, Lưu ký chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

3.2. Địa bàn kinh doanh

Sau 9 năm hoạt động, TVSI đã khẳng định được vị thế và uy tín của mình trong lĩnh vực chứng khoán với thị phần không ngừng gia tăng và hệ thống liên tiếp được mở rộng. Hệ thống điểm giao dịch của TVSI có mặt tại hầu hết thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Quy Nhơn, ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

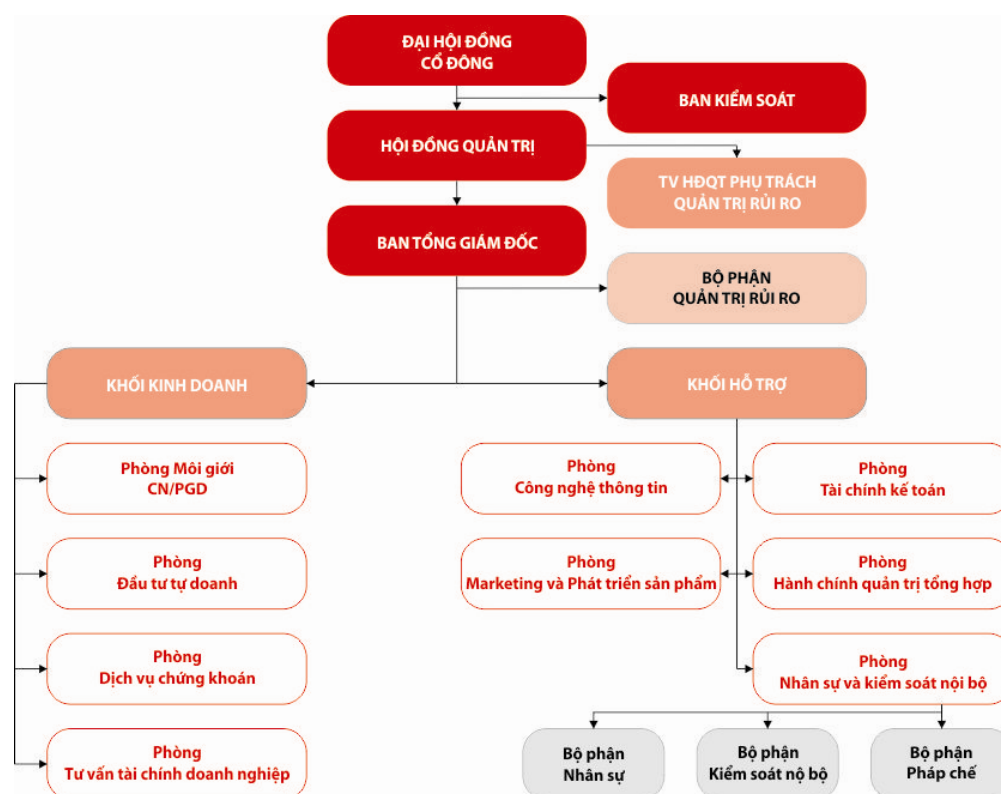
Bộ máy quản trị TVSI bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của TVSI được chia thành 02 nhóm (Nhóm Kinh doanh và Nhóm Hỗ trợ) và các phòng nghiệp vụ theo từng nhóm. Cán bộ quản lý bao gồm các Giám đốc Khối chức năng (Giám đốc Tài chính và các Giám đốc Môi giới Khu vực), Giám đốc các Chi nhánh và Trưởng/Phó các phòng nghiệp vụ.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4.4. Sơ đồ tổ chức TVSI:



5. Định hướng phát triển

5.1. Tầm nhìn

Trở thành một trong những định chế trung gian tài chính hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán, trong đó **hoạt động môi giới, dịch vụ tín dụng** làm chủ đạo.

5.2. Các mục tiêu dài hạn của Công ty

- Phát triển thương hiệu TVSI trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán;
- Trở thành tổ chức tài chính hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực môi giới trực tuyến và đầu tư - tư vấn tài chính;
- Đào tạo, phát triển chất lượng nhân sự là yếu tố cốt;
- Tối đa hóa giá trị cổ đông.

5.3. Chiến lược phát triển trung và dài hạn (Giá trị cốt lõi)

- Luôn đi đầu trong phát triển sản phẩm mới và phát triển thị trường;
- Dịch vụ khách hàng tuyệt hảo;
- Tự chủ và phân quyền;
- Sáng tạo, trung thực và kiên nhẫn;
- Quản lý chi phí tốt và lợi nhuận hợp lý.

5.4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Đóng góp vào sự phát triển của ngành chứng khoán và nền kinh tế;
- Xây dựng đội ngũ môi giới có kinh nghiệm, trình độ và gắn bó với nghề nghiệp;
- Tích cực tham gia vào các hoạt động có ích cho xã hội và cộng đồng.

6. Các rủi ro

Hoạt động kinh doanh chứng khoán, cũng như các công ty chứng khoán khác, trong quá trình hoạt động, TVSI phải đương đầu với rủi ro thuộc 05 nhóm chính bao gồm:

- *Rủi ro thị trường* là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.
- *Rủi ro thanh toán* là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.
- *Rủi ro thanh khoản* là rủi ro xảy ra khi CTCK không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.
- *Rủi ro hoạt động* là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật/ hệ thống/ quy trình nghiệp vụ/ con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí/ lỗ từ hoạt động đầu tư/ các nguyên nhân khách quan khác.
- *Rủi ro pháp lý* là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Ban Điều hành TVSI đã ban hành và liên tục cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy định, quy chế nội bộ cũng như thành lập các bộ phận chức năng nhằm thiết lập và duy trì một cơ chế hiệu quả và toàn diện trong việc kiểm soát các rủi ro này.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014

Cùng với sự phát triển chung của thị trường, năm 2014 TVSI có được các thành quả ấn tượng so với các năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt 27 tỉ đồng. Thị phần môi giới tăng trưởng mạnh, trong đó Quý 3/2014 TVSI đã lọt vào TOP10 Môi giới HNX.

Một số chỉ tiêu chủ yếu của năm 2014 như sau:

- Tổng tài sản tại 31/12 là 883 tỷ đồng, tăng 24% so với 712 tỷ đồng cuối năm 2013.
- Tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản tại 31/12/2014 là 44,1%, giảm 8% so với cuối năm 2013, cho thấy hiệu quả trong huy động các nguồn vốn bổ sung hoạt động kinh doanh, đặc biệt qua việc phát hành trái phiếu riêng lẻ TVSI.
- Tổng Doanh thu đạt 151 tỷ đồng, tăng 55% so với mức 97,3 tỷ của năm 2013 do thị trường năm 2014 có bước đột phá và TVSI có những năm bắt cơ hội gia tăng thị phần môi giới lên mức 1,97% toàn thị trường.
- Lợi nhuận sau thuế 2014 đạt 27 tỷ đồng hoàn thành 169% kế hoạch và tăng 52% so với năm 2013 (LNST 2013 đạt 17,7 tỷ đồng).

Biểu đồ Tổng tài sản TVSI qua các năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Biểu đồ Doanh thu/Lợi nhuận TVSI qua các năm



1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	% thực hiện KH
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	883	-	-
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	151	105,5	143
3	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	Tỷ đồng	118,2	85	139
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	Tỷ đồng	32,8	20,5	160
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	5,8	4,5	129
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27	15	169
7	Số lượng tài khoản	TK	44.472		

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành (tại ngày 31/12/2014)

TT	Họ tên - Chức vụ	Kinh nghiệm công tác	Trình độ	Cổ phần TVSI sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Dũng - <i>Tổng Giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT - CTCK Tân Việt (từ 2007 đến nay). Phó Giám đốc - CTCK NH Ngoại thương Việt Nam (2005-2006). Trưởng phòng TCKT - NH Ngoại thương Việt Nam (2002-2005). 	Cử nhân kinh tế Thạc sỹ QTKD (MBA)	Số lượng: 2.211.276 CP Tỷ lệ sở hữu: 6.32%
2	Ông Nguyễn Việt Cường - <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT - CTCK Tân Việt (từ 2007 đến nay). Ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT (từ 2012 đến nay). Phó Giám đốc - TT Tin học NH Ngoại thương Việt Nam (1997-2006). 	Kỹ sư tin học Thạc sỹ QTKD	Số lượng: 1.282.500 CP Tỷ lệ sở hữu: 3.66%
3	Ông Nguyễn Tiến Thành - <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> Phó Tổng Giám đốc kiêm GD CN. HCM - CTCK Tân Việt (từ 2008 đến nay). Giám đốc DVCK - CTCK Tân Việt (2007-2008). Trưởng phòng - NH Ngoại thương Việt Nam. 	Cử nhân kinh tế Thạc sỹ quản lý phát triển	Số lượng: 75.000 CP Tỷ lệ sở hữu: 0,21%
4	Ông Lê Thanh Tùng - <i>Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng</i>	<ul style="list-style-type: none"> Giám đốc tài chính/ Kế toán trưởng - CTCK Tân Việt (từ 2008 đến nay). Trưởng phòng KTTC - Chi nhánh NH Ngoại thương Việt Nam (2005-2008). 	Cử nhân kinh tế Thạc sỹ QTKD	Số lượng: 52.600 CP Tỷ lệ sở hữu: 0,15%

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2014: 184 người (31/12/2013: 169 người)

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Quý IV/2014, Công ty có một số điều chỉnh về chính sách lương và thu nhập đối với người lao động theo hướng gắn chặt quyền lợi của người lao động với hoạt động kinh doanh của toàn Công ty và đóng góp của từng cá nhân. Các thay đổi này đã góp phần gia tăng hiệu quả của việc sử dụng nhân sự, tạo động lực để người lao động tích cực nâng cao năng suất lao động và tăng cường đóng góp cá nhân vào kết quả hoạt động kinh doanh toàn Công ty.

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014 (tỷ đồng)	Năm 2013 (tỷ đồng)	Tăng/ giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	883	712	24
Doanh thu thuần	151	97.3	55,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.8	22.1	48,5
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	32.8	22.1	48,5
Lợi nhuận sau thuế	27	17.7	52,3
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(tạm ứng) 6,2%	4%	55

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Tăng/ giảm (%)
<i>Chỉ tiêu về tỷ lệ an toàn tài chính</i> + Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	255,8	393,97	-35,1
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3.13	2,01	55,5
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,56	0,49	14,3
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,17	0,14	25,1
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số LN sau thuế/ DT thuần + Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH + Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản + Hệ số LN từ hđ KD/ DT thuần	0,18 0,07 0,03 0,22	0,18 0,05 0,02 0,23	0 42,7 23,1 -4,6

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

4.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần:	35.000.000 CP
- Loại cổ phần đang lưu hành:	CP phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	35.000.000 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu:	Không có

4.2. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 31/12/2014)

- Theo tỷ lệ sở hữu:	
+ Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên):	02 cổ đông, chiếm tỷ lệ 17,32%
+ Cổ đông nhỏ:	77 cổ đông, chiếm tỷ lệ 82,68%
- Theo loại đối tượng:	
+ Cổ đông tổ chức:	02 cổ đông, chiếm tỷ lệ 15,65%
+ Cổ đông cá nhân:	77 cổ đông, chiếm tỷ lệ 84,35%

Ghi chú: Toàn bộ các cổ đông đều là cổ đông trong nước và không có cổ đông nào là cổ đông Nhà nước.

4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

4.5. Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Bối cảnh nền kinh tế

Năm 2014 tiếp tục đà ổn định của nền kinh tế, tăng trưởng GDP quý sau tăng hơn quý trước bất chấp việc phải chịu ảnh hưởng từ một số sự kiện như (1) căng thẳng ở biển Đông; (2) nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới, ngoại trừ Mỹ, có dấu hiệu giảm tốc và (3) giá dầu thô lao dốc. GDP năm 2014 tăng 5,98% cải thiện so với mức 5,42% năm 2013. Sản xuất công nghiệp phục hồi, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,6%; cao hơn mức tăng 5,9% của năm 2013 dù còn phân hóa rõ rệt với sự nổi bật của khối FDI.

Mặt bằng lãi suất thấp nhất trong gần 1 thập kỷ: đưa mặt bằng lãi suất thấp hơn mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006 và tiếp tục xu hướng giảm, tạo điều kiện tốt để hỗ trợ sự phục hồi của nền kinh tế.

Lạm phát 2014 thấp nhất trong 13 năm khi CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với năm 2013.

Thị trường ngoại hối dưới sự điều tiết linh hoạt và chủ động của NHNN, đảm bảo sự ổn định và tỷ giá chỉ tăng 1% trong năm 2014. Thị trường vàng ổn định, dự trữ ngoại hối cao kỷ lục.

Vốn FDI giải ngân năm 2014 ước đạt 12,35 tỷ USD 7,4%: Vốn FDI đổ vào bất động sản tăng gấp 3 lần; M&A bất động sản sôi động; Lần đầu tiên mở cửa cho người nước ngoài mua và sở hữu nhà.

Cán cân thương mại thặng dư năm thứ ba liên tiếp: Kim ngạch xuất khẩu 150 tỷ USD; tăng 13,6% so với 2013. Nhập khẩu 148 tỷ USD; tăng 12,1% so với năm 2013. Cán cân thương mại năm 2014 tiếp tục thặng dư 2 tỷ USD và là mức thặng dư cao nhất trong những năm qua.

Mặc dù có được những chuyển biến tích cực nhất định so với năm 2013 nhưng nhiều vấn đề còn tồn đọng của nền kinh tế vẫn chưa được giải quyết. Trước hết là việc cầu tiêu dùng và cầu đầu tư nội địa phục hồi yếu. Bên cạnh đó, quá trình giải quyết nợ xấu tiếp tục được thúc đẩy nhưng chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá. Khả năng xử lý nợ xấu của VAMC còn hạn chế với nhiều vướng mắc từ hành lang pháp lý.

Thị trường chứng khoán:

Trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi, nhưng có nhiều sự kiện tác động, thị trường chứng khoán cũng có một năm phát triển nhưng cũng nhiều thăng trầm. Diễn biến thị trường biến động gần như theo chu kỳ của từng quý.

Quý I: Thị trường tăng điểm rất mạnh với thanh khoản tăng mạnh đột biến do sự kỳ vọng (của cả vốn nội và vốn ngoại) đối với sự ổn định và hồi phục tích cực của nền kinh tế vĩ mô: Khu vực sản xuất tiếp tục mở rộng; mặt bằng lãi suất được NHNN điều chỉnh giảm, tăng thêm dòng vốn giá rẻ đổ vào thị trường; lạm phát và tỷ giá được kiểm soát tốt; và nền kinh tế thế giới tiếp tục phát đi tín hiệu phục hồi như Mỹ và thoát dần ra khỏi vùng rủi ro như Trung Quốc.

Quý II: Thị trường dường như hưng phấn và phản ánh quá đà kỳ vọng hồi phục của nền kinh tế trong quý 1 đã chững lại và tìm điểm cân bằng mới. Các thông tin chưa tích cực xuất hiện như tăng trưởng tín dụng rất chậm, nợ xấu chưa tìm kiếm được hướng đi và cầu nội địa yếu khiến cho nền kinh tế tăng trưởng ở mức dưới tiềm năng. Đặc biệt, sự kiện căng thẳng Biển Đông nổ ra tạo tâm lý lo ngại cho nhà đầu tư. Chỉ trong vòng 7 phiên, VN-Index đã sụt giảm hơn 11%, rơi xuống mức thấp nhất 508,51 điểm, HNX-Index giảm hơn 13%, còn 68,74 điểm. Đây là những phiên sụt giảm liên tục mạnh nhất kể từ tháng 8/2012

Quý III: Áp lực bán ra tăng lên ồ ạt và kéo theo một lượng lớn là hàng giải chấp buộc phải bán do tác động của sự kiện Biển Đông, lực cầu bắt đáy đẩy lên cao và tạo ra cú hồi phục ngoạn mục của hai chỉ số trong cuối quý 2 và tiếp diễn suốt quý 3 với sự hỗ trợ mạnh mẽ của việc giá dầu tăng mạnh khiến nhóm cổ phiếu ngành Dầu khí như GAS, PVD, PVS... tăng mạnh hỗ trợ tăng điểm thị trường. Bên cạnh đó, yếu tố dòng tiền với hiệu ứng hạ chủ động lãi suất huy động của các NHTM đã tạo ra lực nâng đỡ cho các thị trường chứng khoán, đặc biệt là tại các cổ phiếu có hoạt động kinh doanh và triển vọng tốt. Chỉ số VN-Index vượt đỉnh 5 năm 644,56 điểm 3/9/2014.

Quý IV: Mặc dù nền kinh tế vẫn tiếp tục ổn định nhưng không còn nhiều điểm đột phá để có thể giúp cân bằng lại với các thông tin xấu về kinh tế thế giới và về ngành được công bố:

- Giá dầu thế giới lao dốc từ 100 USD/thùng xuống còn một nửa chỉ trong vòng hơn 3 tháng (từ 16/9) khiến cho thị trường giảm điểm mạnh do tác động của các cổ phiếu Dầu khí chiếm tỷ trọng cao trong rổ tính với vốn hóa lớn và số lượng mã nhiều.
- Bổ sung thêm là Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng được ban hành, tạo ra tâm lý hoàn toàn không tích cực cho đông đảo nhà đầu tư về dòng tiền trên thị trường.
- Mỹ chấm dứt hoàn toàn gói kích thích kinh tế khổng lồ QE3 trong khi Nhật chính thức tuyên bố nền kinh tế rơi vào suy thoái, Trung Quốc giảm tốc và EU loay hoay trong các chính sách vực dậy nền kinh tế u ám sau những căng thẳng chính trị Nga – Ukraine và tiếp đó là các lệnh cấm vận kinh tế Nga – Phương Tây.

Tổng hợp của các yếu tố trên làm VN-Index chỉ trong 15 phiên cuối tháng 11 và đầu tháng 12 đã sụt giảm 27,8% chạm 513,08đ và HNX-Index sụt giảm 6,7%, trong đó những cổ phiếu tiêu biểu như GAS sụt giảm tới 30,4%, PVD giảm 27,8%, PVS giảm 32,6%...

Chốt năm 2014, VN-Index chỉ đạt 545,63 điểm tăng 8,12% so với 2014; HNX đạt 82,98 điểm tăng 22,32% so với 2013.

1.2. Đánh giá kết quả hoạt động 2014

Bám sát các định hướng kế hoạch 2014 mà Hội đồng quản trị TVSI đã đề ra trong năm, các hoạt động của TVSI đã đạt được những kết quả thành công vượt trội. Đạt được kết quả đó cũng là tổng hợp của nhiều yếu tố nội tại của TVSI như: định hướng hoạt động, quản trị công ty, thêm vào đó là sự thuận lợi của diễn biến thị trường chứng khoán năm 2014. Một số chỉ tiêu hoạt động chính 2014:

Chỉ tiêu	2013	2014	% tăng giảm so với 2013	Kế hoạch 2014	% so với KH 2014
Nhân sự	169	178	10,5%		
Số lượng tài khoản	41.883	44.472	6,1%		
Thị phần	1,87%	1,97%	5,3%		
Doanh thu	151	97,3	55,1%	104,89	144%
1. Môi giới	31,6	64,3	103%	34,70	185,3%
2. Doanh thu đầu tư chứng khoán và góp vốn	8,3	30	261,4%	15,00	200%
Lợi nhuận sau thuế	17,7	27	52,5%	18,56	145,4%

Trong năm 2014, Công ty đã có những hoạt động thiết thực và quyết liệt ở hầu hết các mảng hoạt động, góp phần vào thành công chung của Công ty như:

- Phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp TVSI để huy động vốn tài trợ cho hoạt động cho vay margin đối với khách hàng. Tháng 10/2014 TVSI đã phát hành thành công 188,5 tỉ đồng trái phiếu.

- Môi giới: Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính. Tăng tính cạnh tranh trong hoạt động môi giới bằng các sản phẩm linh hoạt trong việc hỗ trợ giao dịch cho nhà đầu tư. Doanh thu môi giới năm 2014 TVSI đạt 64,3 tỷ đồng, hoàn thành 185% kế hoạch được giao và tăng hơn gấp đôi so với năm 2013.
- Hoạt động đầu tư tự doanh hoạt động hiệu quả, nắm bắt cơ hội tăng trưởng của thị trường trong giai đoạn nửa đầu năm 2014 và cụ thể hóa được kết quả đầu tư. Doanh thu hoạt động đầu tư tự doanh năm 2014 đạt 30 tỷ đồng, hoàn thành 200% kế hoạch và gấp 2,6 lần năm 2013.
- Phát triển mạnh hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp với các hoạt động tư vấn như: mua lại doanh nghiệp niêm yết; phát hành thêm, hoặc bán đấu giá cổ phần.

Ngoài các con số cụ thể về mặt tài chính như doanh thu, lợi nhuận, thành quả của TVSI năm 2014 còn thể hiện qua:

- Số tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới trong năm là 2.589 tài khoản, nâng tổng số tài khoản của khách hàng tại TVSI tại 31/12/2014 lên 44,472 tài khoản (tăng 6,1% so với 31/12/2013).
- Thị phần: Quý III/2013 TVSI lọt vào trong TOP 10 công ty chứng khoán dẫn đầu về thị phần trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thị phần trung bình cả năm tính chung cho cả 2 Sở giao dịch đạt 1,97%, tăng 5,3% so với năm 2013.
- Nhân sự: số lượng nhân sự bình quân tăng lên 184 người (so với 169 người của năm 2013). Mức thu nhập bình quân 2014 đạt 13,08 triệu đồng/người/tháng.
- Cổ tức: Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ 6,2%.

➤ Một số thành tựu nổi bật của TVSI 2014:

Chúng ta tổng kết lại một số sự kiện nổi bật trong năm 2014 góp phần làm nên những kết quả cụ thể như:

- Tăng trưởng mạnh hoạt động môi giới gấp hơn 2 lần so với 2013;
- TVSI đứng trong TOP 10 thị phần môi giới quý 3/2014 trên HNX.
- Phát hành thành công 188,5 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo với lãi suất thả nổi.
- Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch trực tuyến mới ItradeHome2014 với giao diện thông minh, nhiều tính năng tiện ích vượt trội.
- Thực hiện chính sách chăm sóc khách hàng VIP của TVSI với nhiều ưu đãi dịch vụ riêng biệt.
- Ra mắt bảng giá PriceVip dành riêng cho khách hàng TVSI nâng cao khả năng tùy biến trong nhu cầu xem bảng giá giao dịch của khách hàng.
- Đầu tư nâng cấp hệ thống phần cứng IBM giúp năng lực xử lý hệ thống tăng gấp 2 lần, hệ thống giao dịch được đảm bảo thông suốt với tốc độ cao.
- Hoàn thành các thương vụ tư vấn M&A tiêu biểu của năm 2014 là Phenikaa mua lại cổ phần chi phối công ty niêm yết trên HNX là Vicostone (VCS).
- IPO lần đầu thành công cho 12 doanh nghiệp nhà nước, trong đó có 01 doanh nghiệp thuộc Tập đoàn công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam với số vốn điều lệ là 300 tỷ đồng và đặc biệt là 10 doanh nghiệp thuộc Cục đường thủy nội địa Việt nam.

- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho CTCP CMISTONE Việt Nam: giá trị phát hành tính theo mệnh giá 60 tỷ đồng
- Bán vốn nhà nước thành công cho 04 doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp và phát triển nông thôn

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2014 tăng 24% so với năm 2013 cho thấy sự tăng trưởng trong hoạt động của công ty.

Đồng thời tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản tăng 23,1% và tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu tăng 42,7% cho thấy hiệu quả sinh lời tổng thể tăng và tính hiệu quả trên đồng vốn chủ có mức độ tăng cao hơn cho thấy tính hiệu quả được gia tăng trong việc đầu tư và phân bổ hợp lý các nguồn lực.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2014 tăng 42% so với năm 2013, tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu đạt tỉ lệ 1,3; tỷ lệ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn tăng 32,6% cho thấy công ty đã hiệu quả trong việc huy động và sử dụng nguồn vốn vay tài trợ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán của khách hàng.

Trong năm 2014, TVSI đã phát hành thành công 183.855 trái phiếu TVSI, huy động được 183.855.000.000 đồng với kỳ hạn trái phiếu là 3 năm. Trái phiếu TVSI được phát hành với lãi suất cố định trong 3 tháng đầu là 10,5%/năm, các kỳ tiếp theo lãi suất thả nổi bằng với lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam + tối thiểu 3,5%/năm đây là thành công của công ty trong việc cơ cấu lại các khoản nợ nhằm tìm kiếm nguồn vốn ổn định và dài hạn phục vụ hoạt động kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty tiếp tục thực hiện chính sách quản trị chặt chẽ khoa học nhưng vẫn đáp ứng tốt các dịch vụ khách hàng. Nguồn nhân sự môi giới 2014 đã có sự phát triển mạnh, tuyển dụng thêm được nhiều môi giới có chất lượng cao. TVSI cũng cơ cấu lại phương thức hoạt động của một số chi nhánh phía Nam chưa hiệu quả và tổ chức lại Phòng giao dịch (PGD Tây Hồ) và phòng Môi giới 4 tại Hội sở.

4. Kế hoạch phát triển

4.1. Triển vọng, thách thức kinh tế 2015

Nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đà phục hồi ổn định nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức đổi mới không nhỏ để tạo động lực phát triển:

Yếu tố trong nước:

- GDP tiếp tục tăng trưởng mục tiêu với tỷ lệ khoảng 6,2%, lạm phát thấp dưới 5%; lãi suất vẫn đang tiếp tục xu hướng giảm.
- Chủ trương, ý chí của lãnh đạo cao cấp (Nghị quyết 01-CP) tiếp tục phát triển thị trường chứng khoán để giúp doanh nghiệp huy động vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, giúp kênh huy động đầu tư vốn và tiền tệ hỗ trợ nhau, giảm áp lực hệ thống ngân hàng.

- Giá dầu duy trì ở mức thấp tạo nên gói kích thích kinh tế ước tính khoảng 3 tỉ đô la do tiết kiệm được chi phí năng lượng, giúp CPI giảm thấp và lãi suất cho vay cũng giảm theo, chi phí đầu vào của nền kinh tế giảm.
- Năm cuối cùng của kế hoạch tái cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng theo Quyết định 254 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2011-2015. Quyết tâm đưa Tỷ lệ nợ xấu sẽ giảm mạnh xuống dưới ngưỡng 3%; kết thúc sắp xếp lại tổ chức tín dụng yếu kém.
- Năm 2015 là năm cải cách mạnh mẽ chế, hội nhập kinh tế quốc tế lần thứ 2 sau WTO với một loạt các thỏa thuận hiệp định thương mại tự do: FTA với EU, Nga; TPP.
- Hành lang pháp lý quy định về thị trường chứng khoán sẽ được sửa đổi theo hướng mở rộng mức độ hội nhập kinh tế quốc tế như sửa đổi Nghị định 58 trong đó sẽ loại bỏ quy định về hạn chế tỷ lệ sở hữu tối đa đối với nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư, góp vốn vào các công ty đại chúng, ngoại trừ các ngành đang hạn chế nhà đầu tư nước ngoài và theo luật chuyên ngành như ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, phân phối dược phẩm ...), các doanh nghiệp khác đều mở tỷ lệ sở hữu tối đa 100% cho nhà đầu tư nước ngoài (dự kiến tháng 5).
- Năm cuối cùng hoàn thành cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước còn lại, cơ hội cuối cùng mua cổ phiếu giá rẻ. Hoàn thành các kế hoạch kinh tế, xã hội chào mừng đại hội Đảng lần thứ 12.
- Ngân hàng nhà nước dự kiến tăng trưởng tín dụng từ 13%-15%; tỷ giá tăng không quá 2%.
- Kênh đầu tư chứng khoán vẫn là kênh hấp dẫn khi so sánh với các kênh vàng, ngoại tệ, gửi tiết kiệm.

Yếu tố quốc tế:

- Nền kinh tế đầu tàu của thế giới (Mỹ) vẫn tiếp tục sáng tạo và phát triển ở tốc độ cao, tạo động lực và cầu kéo các nước có thị phần xuất khẩu vào Mỹ phát triển theo.
- EU đưa ra gói kích thích kinh tế 1.300 tỷ USD đến hết 2016, dòng tiền dồi dào sẽ lan tỏa ra khắp thế giới, trong số đó sẽ vào thị trường chứng khoán các nước mới nổi như Việt Nam;
- Nhật Bản tiếp tục nới lỏng tiền tệ.

4.2. Thách thức đối với nền kinh tế và thị trường chứng khoán:

Môi trường trong nước:

- Bội chi ngân sách nhà nước vẫn lớn trên 5% GDP tương đương 226.000 tỷ đồng do các hoạt động chi tiêu của Chính phủ chưa hiệu quả; Đầu tư nhiều dự án lớn trọng điểm.
- Giá dầu giảm có thể ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam như: sản lượng xuất khẩu dầu thô, GDP tăng trưởng, thu ngân sách,
- Tranh chấp địa chính trị trên Biển Đông có thể tiếp tục ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước
- Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng được ban hành, tạo ra tâm lý bất an về việc thu hẹp về dòng tiền trên thị trường.
- Cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty chứng khoán còn tồn tại để giữ khách hàng và chiếm lĩnh thị trường.

Môi trường quốc tế:

- Nền kinh tế Mỹ mạnh làm USD mạnh lên khả năng đảo ngược dòng vốn đầu tư tại các thị trường mới nổi; Kế hoạch nâng lãi suất của Ngân hàng Trung ương Mỹ FED có thể xảy ra vào nửa cuối năm, điều chỉnh dòng tiền rẽ khỏi các thị trường chảy về Mỹ.
- Những tranh chấp bất ổn của Nga về địa chính trị, giá dầu giảm, giảm phát của EU, tăng trưởng thấp của kinh tế Trung Quốc, ... là những yếu tố ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán.

4.3. Chiến lược hoạt động chung:

Giải pháp liên quan đến chiến lược:

- Tập trung vào hai mảng hoạt động: Môi giới KH cá nhân và dịch vụ tín dụng Margin.
- Tiếp tục chiến lược khác biệt về sản phẩm dịch vụ bằng cách nâng cao chất lượng tư vấn và chăm sóc KH(CRM).
- Thực hiện chiến lược đại dương xanh: Cắt giảm những yếu tố thừa, tập trung vào hiệu quả và hoạt động cốt yếu. Duy trì mô hình tổ chức đơn giản nhất

Giải pháp huy động/vay vốn:

- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp huy động vốn đáp ứng nhu cầu cho vay Margin trọng tâm phát hành cho KH là cá nhân. Nâng dần tỷ trọng vay KH tổ chức bảo hiểm trong tổng số dư nợ.
- Quản lý tốt kỳ hạn nguồn vốn với kỳ hạn cho vay.

Giải pháp liên quan đến hoạt động tín dụng và đầu tư; dịch vụ NH đầu tư

- Đầu tư tự doanh: Phối hợp hài hòa giữ đầu tư tự doanh và cho vay Margin, chỉ tự doanh khi có nguồn vốn tự có nhàn rỗi và thị trường âm đạm, có chiều hướng đi xuống và ở mức giá rẻ đáp ứng tiêu chí đầu tư. Không dùng vốn vay để tự doanh.
- Tăng số dư margin/ứng trước/thấu chi trên cơ sở đủ nguồn và có tài sản đảm bảo là các CP NY có giá trị tốt và thanh khoản cao.
- Mở rộng dịch vụ quản lý tài sản, ủy thác đầu tư qua công ty quản lý quỹ
- Dừng việc cấp thấu chi cho KH mới, giảm dần số dư thấu chi, chuyển về hình thức Margin linh hoạt.
- Giảm hạn mức Margin trên 1 nhóm KH, theo hướng không tập trung rủi ro vào các KH lớn.
- Về dịch vụ NH đầu tư: Tập trung vào phân khúc CPH, thoái vốn và MA, thị trường UPCOM.

Giải pháp nhân sự

- Tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Tinh thần kỷ luật cao, tránh nhiệm, đoàn kết và tính tự chủ trong công việc.
- Điều chỉnh tiêu chí giám sát năng suất lao động KPIs áp dụng cho chuyên viên MG (salesman) phù hợp với tình hình thực tiễn.
- Tiếp tục tái cơ cấu Back office theo hướng tinh giảm gọn nhẹ đơn giản.
- Áp dụng chính sách giám sát chéo giữa các bộ phận Front office đối với Back office; Thực hiện đánh giá chéo nhau giữa các managers, giám đốc nghiệp vụ.
- Tiếp tục tuyển chuyên viên MG (salesman)

- Theo dõi việc áp chính sách lương mới đi kèm bộ chỉ tiêu giám sát năng suất lao động KPIs áp dụng cho bộ phận hỗ trợ (Back office) để có điều chỉnh thích hợp.
- Tăng cường đào tạo nhân viên MG, CTV trước khi giao việc.

Giải pháp công nghệ thông tin, Marketing & Phát triển sản phẩm

- Ưu tiên phát triển các sản phẩm mới nhằm nâng cấp chất lượng dịch vụ, đón lõng chiều hướng phát triển TT trong những năm tới.
- Nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ.
- Thúc đẩy chương trình Marketing Dịch vụ (Processing, People, Service Scape), tăng cường PR qua báo chí, truyền hình và tăng cường Marketing on-line; triển khai trương trình KH trung thành (Loyalty Program); xây dựng và triển khai hệ thống điều tra khách hàng định kỳ (customer survey) nhằm đánh giá sự hài lòng của khách hàng để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.
- Áp dụng quy trình chăm sóc KH, quản lý giám sát Sales, quản lý hiệu quả KH là tài sản của Công ty
- Nâng cao dịch vụ chứng khoán đối với khách hàng, thực hiện chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng tư vấn.

Giải pháp quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng dịch vụ.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra nội bộ với các phòng ban, PGD, CN đảm bảo tuân thủ quy trình.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro đối với hoạt động Margin và các hoạt động giao tiền, giao dịch ủy quyền cho CN, PGD.

Về chỉ tiêu kinh doanh 2015

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015
1	Tổng doanh thu	152,9 tỷ đồng
2	Doanh thu Môi giới	55,8 tỷ đồng
3	Lợi nhuận trước thuế	29,9 tỷ đồng

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động của công ty năm 2014 đã bám sát định hướng mà HĐQT đã đề ra trong kế hoạch hoạt động 2014, với những điểm như sau.

- Công ty hoạt động tuân theo đúng hoạt động kinh doanh cốt lõi, có hiệu quả, quản lý được rủi ro thông qua các công cụ như kiểm soát và kiểm toán nội bộ, công bố thông tin kịp thời, trung thực và minh bạch; Lợi nhuận năm 2014 tăng mạnh đạt 27 tỷ đồng.
- Chủ động phát triển mảng kinh doanh cốt lõi là Môi giới và dịch vụ tài chính cho NĐT làm gia tăng thị phần môi giới, doanh thu môi giới 2014 tăng gấp đôi so với 2013 đạt 64,3 tỷ đồng, lọt TOP 10 môi giới HNX quý 4/2014.

- Đảm bảo các quyền lợi chính đáng (tính minh bạch, an toàn cho giao dịch) của nhà đầu tư/ khách hàng khi thực hiện quản lý tách bạch tài khoản của nhà đầu tư và Công ty.
- Quyền lợi của cổ đông được đảm bảo. Cổ tức bằng tiền tăng lên mức 6,2% so với mức 4% năm 2013, và quyền lợi của người lao động cũng đã được quan tâm tốt hơn giúp cán bộ nhân viên yên tâm gắn bó lâu dài với công ty.
- Đảm bảo nguồn vốn cho vay, đáp ứng khả năng thanh khoản và mức độ an toàn về tỷ lệ vốn khả dụng trong cả năm.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về kinh doanh nói chung và trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, đặc biệt là các quy định về quản trị Công ty, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, công bố thông tin và quản lý giao dịch của khách hàng.
- Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ và nâng cao tính tiện ích trong các công cụ giao dịch, đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng gia tăng của khách hàng qua kênh internet bằng ra mắt Công cụ giao dịch trực tuyến mới ItradHome 2014, bảng giá PriceVip và các yêu cầu nâng cấp hệ thống, tăng cường quản trị giao dịch của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch.
- Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp có những bước phát triển mạnh mẽ với nhiều thương vụ M&A điển hình như Phenikaa mua cổ phần chi phối VCS, phát hành, đấu giá cổ phần hóa DNNN
- Tăng cường hoạt động dịch vụ chăm sóc khách hàng VIP với nhiều ưu đãi, chính sách cạnh tranh, dịch vụ riêng biệt.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định và tuân thủ định hướng hoạt động.

- Thực hiện đúng các chỉ đạo, nghị quyết của Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Triển khai thực hiện thành công phương án Phát hành trái phiếu riêng lẻ không có tài sản đảm bảo của TVSI.
- Đảm bảo an toàn vốn trong hoạt động kinh doanh, tuân thủ chặt chẽ các quy định về tài chính.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị);
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị);
- Trình báo cáo quyết toán tài chính năm lên Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông.
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, dự phòng rủi ro trong kinh doanh

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở nhận định những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế Việt Nam năm 2015 cũng như các thuận lợi và thách thức nội tại trong TVSI, Hội đồng quản trị đưa ra định hướng hoạt động năm 2015:

- Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận như sau: Doanh thu thuần: 152,9 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 30 tỷ đồng

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro đối với các hoạt động cho vay ký quỹ, rủi ro hoạt động và đầu tư tự doanh.
- Đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ để phát triển thêm các sản phẩm mới, ứng dụng mới, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng gồm: nâng cao chất lượng dịch vụ chứng khoán; dịch vụ chăm sóc khách hàng, dịch vụ tư vấn.
- Xây dựng kỷ luật làm việc, văn hóa lao động nghiêm túc, có trách nhiệm cao, và không ngừng học hỏi..
- Đa dạng các kênh huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động cho vay margin.
- Phát triển mở rộng thêm nghiệp vụ Ủy thác đầu tư, quản lý tài sản bằng việc mua lại công ty quản lý quỹ đầu tư.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại ngày 31/12/2014:

Thành viên điều hành

Họ tên	Chức danh tại TVSI	Cổ phần TVSI sở hữu tại 31/12/2014	Chức danh tại đơn vị khác
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch (kiêm Tổng Giám đốc)	Số lượng: 2.211.276CP Tỷ lệ sở hữu: 6,32%	(Không có)
Ông Nguyễn Việt Cường	Ủy viên (kiêm Phó Tổng Giám đốc)	Số lượng: 1.282.500 CP Tỷ lệ sở hữu 3.66%	Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT
Ông Nguyễn Tiến Thành - Phó Tổng Giám đốc	Ủy viên (kiêm Phó Tổng Giám đốc, kiêm GD CN. HCM)	Số lượng: 75.000 CP Tỷ lệ sở hữu: 0,21%	

Thành viên độc lập không điều hành

Họ tên	Chức danh tại TVSI	Cổ phần TVSI sở hữu tại 31/12/2013	Chức danh tại đơn vị khác
Ông Diệp Bảo Châu	Ủy viên	Đại diện sở hữu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB): Số lượng: 3.850.000 CP Tỷ lệ sở hữu: 11%	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn
Ông Hồ Bửu Phương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 19/6/2014)	5.000 CP	Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ An Phát
Ông Nghiêm Tiến Sỹ	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 19/6/2014)	(Không có)	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ B.I.S

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

• **Các công việc cụ thể trong năm 2014 bao gồm:**

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Quyết định huy động thêm vốn hoạt động (phát hành trái phiếu riêng lẻ và các hình thức vay vốn);
- Phê duyệt phương án hoạt động kinh doanh do Tổng Giám đốc đề nghị;
- Giám sát, chỉ đạo ban Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục chi trả;
- Các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

• **Các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2014:**

Hội đồng quản trị tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên, như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
Từ ngày 1/1/2014 đến 19/6/2014					
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	2/2	100%	Không
2	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	2/2	100%	Không
3	Ông Nghiêm Tiến Sỹ	Thành viên	2/2	100%	Từ nhiệm 19/6/2014
4	Ông Diệp Bảo Châu	Thành viên	2/2	100%	Không
Từ ngày 16/9/2014 đến 31/12/2014					
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	2/2	100%	Không
2	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	2/2	100%	Không
3	Ông Diệp Bảo Châu	Thành viên	2/2	100%	Không
4	Ông Hồ Bửu Phương	Thành viên	2/2	100%	ĐHCĐ Bầu bổ sung từ 19/6/2014
5	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	2/2	100%	ĐHCĐ Bầu bổ sung từ 19/6/2014

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã cơ bản hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Công việc cụ thể của các thành viên độc lập không điều hành năm 2014 bao gồm:

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tham gia ý kiến và biểu quyết về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
- Thực hiện giám sát việc Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua và hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Phụ trách bộ phận Quản trị rủi ro..

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Họ tên	Chức danh	Chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT (kiêm Tổng Giám đốc)	Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA)
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc)	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Ông Diệp Bảo Châu	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ kinh tế
Ông Nghiêm Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ kinh tế
Ông Hồ Bửu Phương	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ Kế toán Quốc tế
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ Quản lý Phát triển

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát tại ngày 31/12/2014:

Ban Kiểm soát TVSI bao gồm 03 thành viên độc lập không điều hành:

Họ tên	Chức danh	Cổ phần TVSI sở hữu
Bà Phạm Mai Chi	Trưởng ban	Số lượng: 22.000 CP Tỷ lệ sở hữu 0,063%
Bà Bùi Thanh Hiền	Ủy viên	Số lượng: 19.500 CP Tỷ lệ sở hữu 0,056%
Bà Đỗ Ngọc Hoàng Yến	Ủy viên	(Không có)

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Các công việc cụ thể trong năm 2014 bao gồm:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính năm, hàng quý và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các giải pháp điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định.

Các cuộc họp Ban Kiểm soát trong năm 2014:

Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên, nội dung và kết quả của các cuộc họp như sau:

Thời gian	Nội dung	Kết quả
Tháng 7/2014	Thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2014 (đã được soát xét)	Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2014 (đã được soát xét).
Tháng 12/2014	Xem xét sơ bộ tình hình số liệu tài chính và việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2014 theo NQ ĐHĐCĐ	Ban điều hành đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2014, số liệu tài chính rõ ràng, minh bạch.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao Hội đồng quản trị	96.000.000 đồng
Thù lao Ban Kiểm soát	48.000.000 đồng

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Việt Cường	UV HĐQT	1.282.500	3,66%

3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

TVSI đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan, đặc biệt là quy định mới tại các thông tư hướng dẫn do Bộ Tài chính ban hành trong năm 2012 bao gồm: Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 "Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán" và Thông tư số 210/2012/TT-TC ngày 30 tháng 11 năm 2012 "Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán".

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TVSI

Trụ sở chính:	Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: (04) 3728 0921 * Fax: (04) 3728 0920 Trung tâm DVKH: 1900 1885 www.tvsi.com.vn -Email: contact@tvsi.com.vn
CN. Hồ Chí Minh:	193-203 Trần Hưng Đạo, Cô Giang, Q.1, HCM Điện thoại: (08) 3838 6868 Fax: (08) 3920 7542
CN. Hoàn Kiếm:	Tầng 2, 3B Thi Sách, Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: (04) 3933 2233 Fax: (04) 3933 5120
CN. Mỹ Đình:	Tầng 2, 58 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: (04) 3792 5183 Fax: (04) 3792 5180
CN. An Đông:	Tầng 7, 76 - 78 - 80 Hải Thượng Lãn Ông, Q.5, HCM Điện thoại: (08) 3855 5438 Fax: (08) 3830 6547
CN. Đà Nẵng:	115 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: (0511) 375 2282 Fax: (0511) 375 2283
CN. Quy Nhơn:	Số 1 Nguyễn Tất Thành, Quy Nhơn, Bình Định Điện thoại: (056) 381 8840 Fax: (056) 381 8820
CN. Nha Trang:	Tầng 2, 78 Lý Thánh Tôn, Nha Trang, Khánh Hòa Điện thoại: (058) 381 6868 Fax: (058) 382 8279
CN. Vĩnh Long:	11-11A,B,C Phạm Thái Bường, Vĩnh Long, Vĩnh Long Điện thoại: (070) 385 3533 Fax: (070) 385 3535
PGD. Láng Hạ:	P303A, 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội Điện thoại: (04) 3514 9033 Fax: (04) 3514 9107
PGD. Tây Hồ:	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội Điện thoại: (04) 3728 6411 Fax: (04) 3728 6407
PGD. Dak Lak:	167 Hai Bà Trưng, Buôn Ma Thuột, Dak Lak Điện thoại: (0500) 384 3396 Fax: (0500) 384 3069
PGD. Cộng Hòa:	347 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, HCM Điện thoại: (08) 3813 2972 Fax: (08) 3813 2970

Báo cáo thường niên 2014 Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt ngoài tổng kết các kết quả hoạt động năm 2014 còn là tầm nhìn, định hướng hoạt động của TVSI năm 2015.

Xin Trân trọng cảm ơn quý cổ đông.

NGUYỄN VĂN DŨNG



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

- 1. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán** (Trang 29).
- 2. Báo cáo tài chính 2014 đã kiểm toán** (Từ trang 33).

BÁO CÁO

TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH 2014

(ĐÃ KIỂM TOÁN)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	
Ông Diệp Bảo Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2014
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2014
Ông Hồ Bửu Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/06/2014
Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Trong việc lập báo cáo này, Ban Giám đốc cam đoan:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Số: /VACO/BCTLATTC.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/03/2015, từ trang 04 đến trang 12. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập tuân thủ Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Các báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 “Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt”. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014, phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Nguyễn Minh Hùng*Phó Tổng Giám đốc**Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0294-2013-156-1*

Phạm Xuân Sơn*Kiểm toán viên**Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1450-2013-156-1*

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại thời điểm 31/12/2014

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ PHẬN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Tùng

Phạm Mai Chi

Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	350.000.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
6	Quỹ dự phòng tài chính	11.665.358.230	-	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	80.667.293.811	-	-
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	36.450.936.065	2.543.010.227
1A	TỔNG			408.424.726.203

(Tiếp theo trang sau)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>	-	-	-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>	-	1.599.000.000	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu của khách hàng			
	<i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	1.636.946.738	-
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác			
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
IV	Hàng tồn kho	-	-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	1.668.837.379	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	<i>Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	3.234.422.669	-
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác	-	523.139.100	-
1B	TỔNG			8.662.345.886

(Tiếp theo trang sau)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
4	Phải thu dài hạn khác			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
II	Tài sản cố định	-	3.482.197.166	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>	-	-	-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>	-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	8.590.389.332	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5	-	-	-
1C	TỔNG			12.072.586.498
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C			387.689.793.819

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Lê Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền

Người lập biểu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	
Ông Diệp Bảo Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2014
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2014
Ông Hồ Bửu Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/06/2014
Ông Nghiêm Tiến Sỹ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/06/2014
Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Số: /VACO/BCTLATTC.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 03 năm 2015, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Minh Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0294-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Phạm Xuân Sơn

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1450-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01 - CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		870.814.850.473	701.127.837.725
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	05	280.047.392.848	153.340.248.240
1. Tiền	111		165.572.392.848	142.940.248.240
2. Các khoản tương đương tiền	112		114.475.000.000	10.400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	07	187.043.890.839	99.704.178.225
1. Đầu tư ngắn hạn	121		223.482.129.325	156.625.403.955
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(36.438.238.486)	(56.921.225.730)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	08	398.251.134.869	443.294.538.909
1. Phải thu của khách hàng	131		348.958.053.148	214.941.146.741
2. Trả trước cho người bán	132		1.553.900.738	2.355.765.583
3. Các khoản phải thu khác	138		64.296.964.913	230.303.386.905
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	09	(16.557.783.930)	(4.305.760.320)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.472.431.917	4.788.872.351
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.668.837.379	1.413.410.271
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.032.769	96.058.382
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	3.757.561.769	3.279.403.698
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		12.072.586.500	10.909.714.064
I. Tài sản cố định	220		3.482.197.168	3.361.156.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.208.822.217	1.879.836.070
- Nguyên giá	222		17.687.225.156	17.450.733.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.478.402.939)	(15.570.897.686)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.273.374.951	1.481.320.863
- Nguyên giá	228		11.352.123.323	9.745.432.283
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.078.748.372)	(8.264.111.420)
II. Tài sản dài hạn khác	260		8.590.389.332	7.548.557.131
1. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	7.482.239.852	6.440.407.651
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.108.149.480	1.108.149.480
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		882.887.436.973	712.037.551.789

(Tiếp theo trang sau)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		493.553.601.474	347.969.068.258
I. Nợ ngắn hạn	310		277.848.601.474	347.969.068.258
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	30.000.000.000	174.263.931.359
2. Phải trả người bán	312		1.178.458.328	1.195.593.176
3. Người mua trả tiền trước	313		892.440.772	430.703.450
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	9.082.896.382	7.121.991.605
5. Phải trả người lao động	315		6.411.940.509	4.637.273.781
6. Chi phí phải trả	316	16	7.061.855.411	4.467.403.845
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.639.652.826	2.386.506.821
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	328	17	220.581.357.246	153.465.664.221
II. Nợ dài hạn	330		215.705.000.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	333		31.850.000.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334		183.855.000.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		389.333.835.499	364.068.483.531
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	389.333.835.499	364.068.483.531
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.665.358.230	9.893.537.224
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27.668.477.269	4.174.946.307
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	400		882.887.436.973	712.037.551.789

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý			6.228.906.780	-
6. Chứng khoán lưu ký	600		2.603.866.890.000	2.925.676.380.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	610		2.380.262.850.000	2.305.749.850.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	611		62.821.030.000	76.154.760.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	612		2.230.470.190.000	2.079.951.530.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	613		86.971.630.000	149.643.560.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	620		7.838.730.000	3.587.980.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	622		7.838.730.000	3.587.980.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	630		116.947.950.000	4.076.920.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	632		116.947.950.000	4.076.920.000
6.4 Chứng khoán tạm giữ	640		32.000.000.000	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	641		32.000.000.000	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	650		62.504.400.000	610.563.100.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	652		62.086.700.000	609.867.000.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	653		417.700.000	696.100.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	670		4.312.960.000	1.698.530.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	671		80.000	120.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	672		4.301.800.000	1.470.560.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	673		11.080.000	227.850.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	700		29.058.100.000	29.074.350.000
7.1 Chứng khoán giao dịch	710		29.058.100.000	29.074.350.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	712		29.058.100.000	29.074.350.000

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Lê Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02 - CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu	01	19	150.951.865.465	97.304.925.285
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		64.334.916.784	31.672.438.642
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		30.088.364.649	8.300.618.345
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.578.184.272	784.101.199
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.804.165.381	1.167.264.297
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	3.000.000
Doanh thu khác	01.9		53.146.234.379	55.377.502.802
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)	10	19	150.951.865.465	97.304.925.285
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	20	85.419.085.438	58.118.538.050
4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		65.532.780.027	39.186.387.235
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.757.470.651	17.047.402.563
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		32.775.309.376	22.138.984.672
7. Thu nhập khác	31		1.479.134	4.640.622
8. Chi phí khác	32		-	11.931.335
9. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.479.134	(7.290.713)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.776.788.510	22.131.693.959
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	5.739.615.537	4.413.483.909
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		27.037.172.973	17.718.210.050
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	772	506

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Lê Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03 - CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	32.776.788.510	22.131.693.959
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ	02	1.722.142.205	2.658.613.391
Các khoản dự phòng	03	(8.230.963.634)	(3.688.543.545)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.531.926.297)	(18.052.882.893)
Chi phí lãi vay	06	26.213.382.943	16.615.128.476
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	42.949.423.727	19.664.009.388
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	4.983.743.182	(76.848.450.008)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp...)	11	(27.513.619.944)	56.845.591.474
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(255.427.108)	(34.305.458)
Tiền lãi vay đã trả	13	(22.261.012.054)	(15.224.639.769)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.413.483.909)	(5.160.640.182)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	34.635.408.960	13.184.400.284
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(35.922.500.370)	(30.727.103.519)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(7.797.467.516)	(38.301.137.790)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.976.491.400)	(1.845.316.108)
2. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	(35.100.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.864.598.886	14.195.548.260
<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(1.211.892.514)	12.350.232.152
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.076.578.548.349	923.761.134.830
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.926.862.043.711)	(812.604.134.963)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.000.000.000)	(24.500.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	135.716.504.638	86.656.999.867
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	126.707.144.608	60.706.094.229
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	153.340.248.240	92.634.154.011
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	280.047.392.848	153.340.248.240

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Lê Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền

Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 05 - CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	350.000.000.000	350.000.000.000	-	-	-	-	350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	18	7.822.097.942	9.893.537.224	2.071.439.282	-	1.771.821.006	-	9.893.537.224	11.665.358.230
3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	4.599.614.822	4.174.946.307	17.718.210.050	18.142.878.565	27.037.172.973	3.543.642.011	4.174.946.307	27.668.477.269

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 18.

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Lê Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo
MẪU SỐ B 09-CTCK

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 230/UBCK-GP ngày 17/04/2009 và Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC - UBCK ngày 11/03/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 180 người (năm 2013: 169 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được tách bạch riêng và là một trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung trên máy tính.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn.
- Ban Giám đốc và các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được theo dõi riêng trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc và phù hợp với các quy định hiện hành. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế tên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Đối với chứng khoán của các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch đóng cửa trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn đối với mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hóa chất phân bón Lào Cai và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long do Công ty không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 03 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	143.782.997.169	131.528.722.700
<i>Trong đó tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>87.329.478.119</i>	<i>126.154.090.491</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK	21.789.395.679	11.411.525.540
<i>Trong đó tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK của nhà đầu tư</i>	<i>21.318.368.228</i>	<i>10.870.850.443</i>
Các khoản tương đương tiền (i)	114.475.000.000	10.400.000.000
	280.047.392.848	153.340.248.240

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các tổ chức tín dụng

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
a) Cửa Công ty chứng khoán	12.308.063	185.151.649.660
- Cổ phiếu	12.308.063	185.151.649.660
b) Cửa nhà đầu tư	2.053.230.233	28.996.763.091.540
- Cổ phiếu	2.053.230.233	28.996.763.091.540
	2.065.538.296	29.181.914.741.200

7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

7.1. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
I. Đầu tư ngắn hạn	12.725.019	9.093.198	223.482.129.325	156.625.403.955	2.609.847.048	6.085.717.675	36.438.238.486	56.921.225.730	189.653.737.887	105.789.895.900
<i>Chứng khoán thương mại</i>										
- Cổ phiếu	12.725.019	9.093.198	188.382.129.325	156.624.503.955	2.609.847.048	6.085.717.675	36.438.238.486	56.921.225.730	154.553.737.887	105.788.995.900
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>8.571.936</i>	<i>6.691.782</i>	<i>137.184.892.600</i>	<i>113.966.394.434</i>	<i>2.216.262.539</i>	<i>6.083.297.675</i>	<i>23.656.732.239</i>	<i>30.575.428.409</i>	<i>115.744.422.900</i>	<i>89.474.263.700</i>
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết (i)</i>	<i>4.153.083</i>	<i>2.401.416</i>	<i>51.197.236.725</i>	<i>42.658.109.521</i>	<i>393.584.509</i>	<i>2.420.000</i>	<i>12.781.506.247</i>	<i>26.345.797.321</i>	<i>38.809.314.987</i>	<i>16.314.732.200</i>
- Trái phiếu	-	-	-	900.000	-	-	-	-	-	900.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	35.100.000.000	-	-	-	-	-	35.100.000.000	-

Ghi chú: (i) Bao gồm cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng, cổ phiếu upcom, cổ phiếu của các Công ty hủy niêm yết. Công ty đã trích lập dự phòng cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Đối với mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hóa chất phân bón Lào Cai và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này.

7.2. Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giảm so với giá thị trường</i>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>8.571.936</i>	<i>137.184.892.600</i>	<i>23.656.732.239</i>
MBB	3.567.660	63.423.119.318	16.697.816.618
SHB	2.677.252	23.674.249.780	1.988.508.580
EIVFVN30	1.000.000	10.221.471.386	821.471.386
TCS	203.292	2.434.553.600	360.975.200
LAS	202.380	7.862.275.136	778.975.136
TC6	182.920	2.356.071.168	-
VIC	169.331	8.323.631.651	246.542.951
VTS	130.244	3.840.489.987	2.668.293.987
Khác	438.857	15.049.030.574	94.148.381
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>4.153.083</i>	<i>51.197.236.725</i>	<i>12.781.506.247</i>
<i>UPCOM</i>	<i>909.296</i>	<i>17.829.473.339</i>	<i>12.781.506.247</i>
HIG	666.196	15.576.105.772	12.511.604.172
VIR	111.800	1.320.822.075	269.902.075
ABI	131.300	932.545.491	-
<i>OTC</i>	<i>3.243.787</i>	<i>33.367.763.386</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Hóa chất phân bón Lào Cai (i)	159.900	1.599.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long (i)	3.083.068	31.755.600.400	-
Khác	819	13.162.986	-
<i>Cộng đầu tư cổ phiếu</i>	<i>12.725.019</i>	<i>188.382.129.325</i>	<i>36.438.238.486</i>

Ghi chú: (i) Không có cơ sở xác định giá thị trường của mã cổ phiếu này do không thu thập được 3 báo giá của Công ty chứng khoán.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chi tiêu	Đầu năm			Số phát sinh trong năm		Cuối năm			Số dự phòng
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	214.941.146.741	1.087.528.730	1.087.528.730	9.043.927.108.615	(8.909.910.202.208)	348.958.053.148	1.495.528.730	1.495.528.730	1.495.528.730
<i>Phải thu về dịch vụ giao dịch ký quỹ</i>	<i>174.856.560.499</i>	<i>43.188.730</i>	<i>43.188.730</i>	<i>5.814.228.518.618</i>	<i>(5.646.861.199.671)</i>	<i>342.223.879.446</i>	<i>43.188.730</i>	<i>43.188.730</i>	<i>43.188.730</i>
<i>Phải thu về dịch vụ ứng trước</i>	<i>7.904.211.491</i>	-	-	<i>3.222.753.421.974</i>	<i>(3.226.118.107.348)</i>	<i>4.539.526.117</i>	-	-	-
<i>Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp</i>	<i>1.529.480.400</i>	<i>1.044.340.000</i>	<i>1.044.340.000</i>	<i>2.046.901.834</i>	<i>(1.950.469.462)</i>	<i>1.625.912.772</i>	<i>1.452.340.000</i>	<i>1.452.340.000</i>	<i>1.452.340.000</i>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>30.650.894.351</i>	-	-	<i>4.898.266.189</i>	<i>(34.980.425.727)</i>	<i>568.734.813</i>	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	2.355.765.583	145.301.200	145.301.200	3.900.734.714	(4.702.599.559)	1.553.900.738	62.255.200	62.255.200	62.255.200

Chỉ tiêu	Đầu năm			Số phát sinh trong năm		Cuối năm			Số dự phòng
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
3. Phải thu khác	230.303.386.905	3.072.930.390	3.072.930.390	26.663.577	(166.033.085.566)	64.296.964.913	50.000.000.000	50.000.000.000	15.000.000.000
<i>Lãi dự thu hợp đồng bán lại chứng khoán</i>	<i>26.231.583.700</i>	-	-	-	<i>(26.231.583.700)</i>	-	-	-	-
<i>Lãi dự thu hợp đồng giao dịch mua ký quỹ chứng khoán</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>116.422.222</i>	-	-	<i>15.333.333</i>	<i>(116.422.222)</i>	<i>15.333.333</i>	-	-	-
<i>Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán SCB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn) (i)</i>	<i>197.309.520.200</i>	-	-	-	<i>(133.029.888.620)</i>	<i>64.279.631.580</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>
<i>Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán nhỏ lẻ khác</i>	<i>500.000.000</i>	-	-	-	<i>(500.000.000)</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu khác (ii)</i>	<i>6.145.860.783</i>	<i>3.072.930.390</i>	<i>3.072.930.390</i>	<i>11.330.244</i>	<i>(6.155.191.024)</i>	<i>2.000.000</i>	-	-	-
Tổng cộng	447.600.299.229	4.305.760.320	4.305.760.320	9.047.854.506.906	(9.080.645.887.333)	414.808.918.799	51.557.783.930	51.557.783.930	16.557.783.930

(Tiếp theo trang sau)

Chỉ tiêu	Đầu năm			Số phát sinh trong năm		Cuối năm			Số dự phòng
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
3. Phải thu khác	230.303.386.905	3.072.930.390	3.072.930.390	26.663.577	(166.033.085.566)	64.296.964.913	50.000.000.000	50.000.000.000	15.000.000.000
<i>Lãi dự thu hợp đồng bán lại chứng khoán</i>	<i>26.231.583.700</i>	-	-	-	<i>(26.231.583.700)</i>	-	-	-	-
<i>Lãi dự thu hợp đồng giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>116.422.222</i>	-	-	<i>15.333.333</i>	<i>(116.422.222)</i>	<i>15.333.333</i>	-	-	-
<i>Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán SCB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn) (i)</i>	<i>197.309.520.200</i>	-	-	-	<i>(133.029.888.620)</i>	<i>64.279.631.580</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>
<i>Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán nhỏ lẻ khác</i>	<i>500.000.000</i>	-	-	-	<i>(500.000.000)</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu khác (ii)</i>	<i>6.145.860.783</i>	<i>3.072.930.390</i>	<i>3.072.930.390</i>	<i>11.330.244</i>	<i>(6.155.191.024)</i>	<i>2.000.000</i>	-	-	-
Tổng cộng	447.600.299.229	4.305.760.320	4.305.760.320	9.047.854.506.906	(9.080.645.887.333)	414.808.918.799	51.557.783.930	51.557.783.930	16.557.783.930

Ghi chú:

- Trong năm, Công ty và Ông Lâm Thành Đạo đã thanh lý hợp đồng mua bán lại chứng khoán SCB số 15/2011/HĐMB-SCB, theo đó số Ông Lâm Thành Đạo còn phải trả Công ty đến ngày 31/12/2014 là 64.279.631.580 đồng.
- Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 45/2014/NQ-HĐQT ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện xóa nợ đối với khoản nợ không có khả năng thu hồi của đối tượng Thái Đức Minh với số tiền là 6.145.860.780 đồng.

9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	(4.305.760.320)	(458.000.000)
Số sử dụng trong năm	6.228.906.780	-
Số trích lập trong năm	(18.480.930.390)	(3.847.760.320)
Số dư cuối năm	<u>(16.557.783.930)</u>	<u>(4.305.760.320)</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	3.234.422.669	2.751.264.598
Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	523.139.100	528.139.100
	<u>3.757.561.769</u>	<u>3.279.403.698</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	15.859.142.963	1.049.043.200	268.758.581	273.789.012	17.450.733.756
Mua sắm mới	236.491.400	-	-	-	236.491.400
Tại ngày 31/12/2014	<u>16.095.634.363</u>	<u>1.049.043.200</u>	<u>268.758.581</u>	<u>273.789.012</u>	<u>17.687.225.156</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	14.071.152.153	957.197.940	268.758.581	273.789.012	15.570.897.686
Khấu hao trong năm	815.659.993	91.845.260	-	-	907.505.253
Tại ngày 31/12/2014	<u>14.886.812.146</u>	<u>1.049.043.200</u>	<u>268.758.581</u>	<u>273.789.012</u>	<u>16.478.402.939</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	1.787.990.810	91.845.260	-	-	1.879.836.070
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.208.822.217</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.208.822.217</u>

Tại ngày 31/12/2014, tổng nguyên giá các tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là 19.898.025.088 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 16.480.760.342 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	9.745.432.283	9.745.432.283
Mua sắm mới	1.740.000.000	1.740.000.000
Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ	(133.308.960)	(133.308.960)
Tại ngày 31/12/2014	11.352.123.323	11.352.123.323
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2014	8.264.111.420	8.264.111.420
Khấu hao trong năm	814.636.952	814.636.952
Tại ngày 31/12/2014	9.078.748.372	9.078.748.372
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2014	1.481.320.863	1.481.320.863
Tại ngày 31/12/2014	2.273.374.951	2.273.374.951

Tại ngày 31/12/2014, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng là 7.851.877.173 đồng (số tại ngày 01/01/2014 là 7.193.970.723 đồng).

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	5.199.652.616	4.559.570.743
Tiền lãi phân bổ trong năm	2.158.097.992	1.756.347.664
	7.482.239.852	6.440.407.651

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay cá nhân	174.263.931.359	1.178.906.062.355	1.353.169.993.714	-
Vay tổ chức khác (i)	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
	174.263.931.359	1.208.906.062.355	1.353.169.993.714	30.000.000.000

Ghi chú: (i) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 106.1007/2014/HĐTDHM-DN/PGBHN ngày 03/11/2014. Hạn mức cho vay không vượt quá 30.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 03/11/2014 đến ngày 03/11/2015. Lãi suất vay: 9%/năm. Mục đích vay: thực hiện hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán. Bảo đảm tiền vay: 3.200.000 cổ phiếu MBB của Ngân hàng TMCP Quân Đội thuộc sở hữu của bên vay theo tài khoản lưu ký số 044C999999 tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là 44.480.000.000 đồng.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	89.338.763	64.215.537
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.739.615.537	4.413.483.909
Thuế thu nhập cá nhân	3.253.942.082	2.644.292.159
	9.082.896.382	7.121.991.605

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lãi vay phải trả tổ chức và các nhân khác	6.023.959.585	2.071.588.696
Chi phí phải trả khác	1.037.895.826	2.395.815.149
	7.061.855.411	4.467.403.845

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư	108.647.846.347	137.024.940.934
Nhận ký quỹ của nhà đầu tư	110.125.435.997	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	14.000.000.000
Phải trả phải nộp khác	1.808.074.902	2.440.723.287
	220.581.357.246	153.465.664.221

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	350.000.000.000	7.822.097.942	4.599.614.822	362.421.712.764
Lợi nhuận trong năm	-	-	17.718.210.050	17.718.210.050
Trích quỹ trong năm	-	2.071.439.282	(4.142.878.565)	(2.071.439.283)
Tạm chia cổ tức năm 2012	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Số dư tại 01/01/2014	350.000.000.000	9.893.537.224	4.174.946.307	364.068.483.531
Lợi nhuận trong năm	-	-	27.037.172.973	27.037.172.973
Trích quỹ trong năm (i)	-	1.771.821.006	(3.543.642.011)	(1.771.821.005)
Số dư tại 31/12/2014	350.000.000.000	11.665.358.230	27.668.477.269	389.333.835.499

Ghi chú: (i) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 13/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2014, lợi nhuận được phân phối như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	1.771.821.006
<i>Trong đó:</i> + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	885.910.503
+ Quỹ dự trữ bắt buộc	885.910.503
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.771.821.005
Cộng	3.543.642.011

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại 31/12/2014		Vốn đã góp tại 31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	38.500.000.000	11,00%	38.500.000.000	11,00%
Ông Nguyễn Văn Dũng	22.112.276.000	6,32%	22.112.276.000	6,32%
Ông Nguyễn Việt Cường	12.825.000.000	3,66%	11.516.010.000	3,29%
Các cổ đông khác	276.562.724.000	79,02%	277.871.714.000	79,39%
Tổng cộng	350.000.000.000	100%	350.000.000.000	100%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Năm 2014	Năm 2013	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu

19. DOANH THU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	64.334.916.784	31.672.438.642
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	30.088.364.649	8.300.618.345
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.578.184.272	784.101.199
Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.804.165.381	1.167.264.297
Doanh thu ủy thác đầu tư chứng khoán	-	3.000.000
Doanh thu khác	53.146.234.379	55.377.502.802
<i>Doanh thu lãi tiền gửi</i>	<i>2.527.321.756</i>	<i>3.551.421.162</i>
<i>Doanh thu hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán</i>	<i>42.591.576.209</i>	<i>29.101.769.433</i>
<i>Doanh thu các hoạt động mua bán lại chứng khoán</i>	<i>-</i>	<i>10.023.998.950</i>
<i>Doanh thu hoạt động ứng trước chứng khoán</i>	<i>3.332.521.355</i>	<i>2.370.286.527</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>4.694.815.059</i>	<i>10.330.026.730</i>
Tổng doanh thu	150.951.865.465	97.304.925.285
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	150.951.865.465	97.304.925.285

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí môi giới	10.628.364.277	5.252.389.717
Chi phí đầu tư chứng khoán góp vốn	16.389.467.216	2.422.607.408
Hoàn nhập dự phòng	(20.482.987.244)	(7.536.303.865)
Chi phí lãi vay	23.013.484.427	16.615.128.476
Chi phí lãi trái phiếu	3.199.898.516	-
Chi phí khác	52.670.858.246	41.364.716.314
	85.419.085.438	58.118.538.050

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	32.776.788.510	22.131.693.959
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	(7.004.379.541)	(5.117.615.801)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	316.752.561	639.857.479
Chuyển lỗ của năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	26.089.161.530	17.653.935.637
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.739.615.537	4.413.483.909

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận cơ bản để tính lãi trên cổ phiếu	27.037.172.973	17.718.210.050
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.000.000	35.000.000
Lãi trên cổ phiếu	772	506

23. NGHIỆP VỤ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn		
Trả cổ tức	-	4.235.000.000

Số dư với bên liên quan

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn		
Phải trả tiền đặt cọc mua chứng khoán	31.850.000.000	-

Các khoản lương, thưởng của Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị trong năm:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	3.281.370.808	2.484.910.780
Thù lao Hội đồng Quản trị	108.000.000	96.000.000

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 6.837.128.820 đồng.

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trong vòng một năm tới	4.469.779.457	5.103.937.248
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.294.032.880	8.295.874.496
	11.763.812.337	13.399.811.744

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản vay	213.855.000.000	174.263.931.359
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	280.047.392.848	153.340.248.240
Nợ thuần	-	20.923.683.119
Vốn chủ sở hữu	389.333.835.499	364.068.483.531
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	5,75%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.047.392.848	-	153.340.248.240	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	413.255.018.061	(16.495.528.730)	445.244.533.646	(4.160.459.120)
Đầu tư ngắn hạn	223.482.129.325	(36.438.238.486)	156.625.403.955	(56.921.225.730)
Các khoản ký quỹ	1.631.288.580	-	1.636.288.580	-
	918.415.828.814	(52.933.767.216)	756.846.474.421	(61.081.684.850)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công nợ tài chính		
Vay và nợ	30.000.000.000	174.263.931.359
Phải trả người bán	1.178.458.328	1.195.593.176
Chi phí phải trả	7.061.855.411	4.467.403.845
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	220.581.357.246	153.465.664.221
Tổng cộng	258.821.670.985	333.392.592.601

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.047.392.848	-	280.047.392.848
Phải thu khách hàng, phải thu khác	396.759.489.331	-	396.759.489.331
Đầu tư ngắn hạn	187.043.890.839	-	187.043.890.839
Các khoản ký quỹ	523.139.100	1.108.149.480	1.631.288.580
Tổng tài sản tài chính	864.373.912.118	1.108.149.480	865.482.061.598
Tại ngày 31/12/2014			
Vay và nợ	30.000.000.000	183.855.000.000	213.855.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	221.759.815.574	-	221.759.815.574
Chi phí phải trả	7.061.855.411	-	7.061.855.411
Tổng công nợ tài chính	258.821.670.985	183.855.000.000	442.676.670.985
Chênh lệch thanh khoản thuần	605.552.241.133	(182.746.850.520)	422.805.390.613

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.340.248.240	-	153.340.248.240
Phải thu khách hàng, phải thu khác	441.084.074.526	-	441.084.074.526
Đầu tư ngắn hạn	99.704.178.225	-	99.704.178.225
Các khoản ký quỹ	528.139.100	1.108.149.480	1.636.288.580
Tổng tài sản tài chính	694.656.640.091	1.108.149.480	695.764.789.571
Tại ngày 01/01/2014			
Vay và nợ	174.263.931.359	-	174.263.931.359
Phải trả người bán và phải trả khác	154.661.257.397	-	154.661.257.397
Chi phí phải trả	4.467.403.845	-	4.467.403.845
Tổng công nợ tài chính	333.392.592.601	-	333.392.592.601
Chênh lệch thanh khoản thuần	361.264.047.490	1.108.149.480	362.372.196.970

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2015

Lê Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền

Người lập biểu